NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4530 /NHCS-TDNN	*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2024*
V/v cho vay đối với người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ	

Kính gửi: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, thành phố

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Nghị định số 88/2024/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi (Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg);

Căn cứ văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng,

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định nghiệp vụ cho vay đối với người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg.

2. Đối tượng cho vay

Người có đất thu hồi vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg có tên trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập và tổ chức thực hiện, gồm:

2.1. Người thuộc hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất nông nghiệp thu hồi), gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, được công nhận quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền, cụ thể là cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng đất nông nghiệp mà tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, loại trừ các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP;

b) Cá nhân thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền;

c) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, trừ trường hợp cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp;

d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

2.2. Người thuộc hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất kinh doanh thu hồi), là:

Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ có nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động kinh doanh dịch vụ, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở.

3. Điều kiện cho vay

Khách hàng vay vốn phải có đầy đủ các điều kiện sau:

3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

3.2. Đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

3.3. Có đăng ký thường trú trên địa bàn nơi Ngân hàng Chính sách xã hội giải quyết thủ tục cho người có đất thu hồi vay vốn;

3.4. Có bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật đối với mức vay trên 100 triệu đồng;

3.5. Có Quyết định thu hồi đất trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

4. Mức cho vay

Mức vay vốn tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Lãi suất cho vay

5.1. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 6,6%/năm).

5.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

7. Bảo đảm tiền vay

Đối với mức vay trên 100 triệu đồng, khách hàng vay vốn phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo văn bản hướng dẫn bảo đảm tiền vay của NHCSXH.

8. Xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH.

9. Những nội dung khác: Đối tượng áp dụng, nguyên tắc cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, phương thức cho vay, thủ tục, hồ sơ vay vốn, quy trình cho vay, giải ngân, định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, thu nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn (điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn), xử lý các vi phạm, kiểm tra, giám sát, hạch toán kế toán, chế độ báo cáo thống kê thực hiện theo quy định tại văn bản số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH và các văn bản khác có liên quan.

Riêng đối với hồ sơ vay vốn có nội dung "người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất", sửa đổi thành cụm từ "người có đất thu hồi thuộc hộ gia đình, cá nhân theo quy định".

10. Nội dung chuyển tiếp

10.1. Khách hàng là người lao động bị thu hồi đất đã thực hiện vay vốn theo quy định tại văn bản 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH thì tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

10.2. Đối với các khoản vay đã được NHCSXH phê duyệt cho vay trước ngày Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện Quy trình cho vay, giải ngân, định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, thu nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, xử lý các vi phạm, kiểm tra, giám sát, hạch toán kế toán, chế độ báo cáo thống kê thực hiện theo quy định tại văn bản này.

10.3. Trường hợp khách hàng vay vốn có Quyết định thu hồi đất trước ngày Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành trong thời hạn 5 năm thì được áp dụng cho vay theo quy định tại văn bản này.

10.4. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

11. Tổ chức thực hiện

11.1. Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân và tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp để triển khai thực hiện văn bản này; tổ chức hướng dẫn, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo việc thực hiện nghiệp vụ cho vay đối với người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đúng quy định.

11.2. Những nội dung khác không quy định tại văn bản này, được thực hiện theo quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020; Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi và các văn bản theo quy định của pháp luật liên quan.

11.3. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024 và thay thế các nội dung nghiệp vụ cho vay đối với đối tượng là người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ (được Tổng Giám đốc NHCSXH quy định tại văn bản số 7886/NHCS-TDNN

ngày 24/10/2019 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các văn bản khác có liên quan).

11.4. NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các cơ quan có liên quan để tiếp nhận phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập và tổ chức thực hiện làm căn cứ cho vay.

Yêu cầu Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc NHCSXH (qua Ban Tín dụng Người nghèo) để xem xét, giải quyết./.

(Gửi kèm: Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Tổng Giám đốc;
- Trưởng Ban kiểm soát NHCSXH;

(để báo cáo)

- Các Phó TGĐ, Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- Sở Giao dịch, TTĐT, TTCNTT;
- Ban KTKSNB KVMN;
- Cục Quản lý lao động ngoài nước *(để p/hợp)*;
- Lưu: VT, TDNN.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Huỳnh Văn Thuận

Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12/2024/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có đất thu hồi bao gồm:

a) Người thuộc hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất nông nghiệp thu hồi);

b) Người thuộc hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất kinh doanh thu hồi).

2. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Người có đất thu hồi được hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi có đủ điều kiện sau đây: Là người lao động

theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội.

Điều 4. Thời hạn hỗ trợ

Người có đất thu hồi được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

Điều 5. Hỗ trợ đào tạo nghề

1. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng được hỗ trợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

2. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học.

Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

3. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng được vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên.

Phương thức cho vay, mức vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, hồ sơ và trình tự, thủ tục cho vay thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

4. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đào tạo nghề một lần theo chính sách quy định tại Điều này.

Điều 6. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

Người có đất thu hồi được hỗ trợ:

1. Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại trung tâm dịch vụ việc làm;

2. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người có đất nông nghiệp thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Người có đất kinh doanh thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ như người lao động có đất nông nghiệp thu hồi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Kinh phí hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng một lần theo chính sách quy định tại Điều này.

Điều 8. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người có đất thu hồi được vay vốn ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Điều kiện vay vốn:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

c) Có đăng ký thường trú trên địa bàn nơi Ngân hàng Chính sách xã hội giải quyết thủ tục cho người có đất thu hồi vay vốn;

d) Có bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật đối với mức vay trên 100 triệu đồng.

3. Mức vay vốn tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

5. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

7. Xử lý nợ rủi ro vốn vay thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

8. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn, định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức việc cho vay đối với người có đất thu hồi theo quy định tại Quyết định này.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và khi có yêu cầu, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Uỷ ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi.

Điều 10. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

2. Người có đất thu hồi đã vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất thì tiếp tục thực hiện theo các hợp đồng đã ký kết.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3). 111

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà